

Số: 214/TB-THADS

Bắc Giang, ngày 09 tháng 02 năm 2018

THÔNG BÁO
Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; khoản 2 Điều 101 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 04/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2016 và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 11/QĐ-CCTHADS ngày 12/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định về việc rút hồ sơ thi hành án số 02/QĐ-CTHADS ngày 23/10/2017 và số 04/QĐ-CTHADS ngày 26/10/2017 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 05/QĐ-CTHADS ngày 08/12/2017 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ kết quả chứng thư thẩm định giá số 1801014/CCTĐG-VVI ngày 12/01/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và giám định Việt Nam;

Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang thông báo: Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá để bán tài sản kê biên của Công ty cổ phần SNC; địa chỉ: Khu Công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Tài sản bán đấu giá gồm:

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐƠN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THẨM ĐỊNH
I	Tài sản tại Biên bản kê biên ngày 26/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang				41.398.946.481,10
1	Nhà xưởng 01	M2	4032,50	2.646.800	10.673.221.000
2	Nhà xưởng 02	M2	7670,20	2.646.800	20.301.485.360
3	Phòng bảo vệ 01	M2	12,60	708.750	8.930.250
4	Lán để xe sau nhà bảo vệ	M2	80	211.400	16.912.000
5	Nhà xưởng	M2	424,90	1.010.800	429.488.920
5.1	Bể phốt	M2	11,50	259.700	2.986.550



6	Ao nước thành bờ kè đá	M2	387,2 0	3.850	1.490.720
7	Cầu ao bằng xi măng	M2	19,90	700.000	13.930.000
8	Nhà điều hành 03 tầng	M2	372,3 0	4.280.000	1.593.444.000
9	Khu vệ sinh gần nhà điều hành	M2	51,40	233.800	12.017.320
10	Khu nhà ở công nhân	M2	281,7 0	708.750	199.654.875
11	Khu nhà ở công nhân đối diện cổng ra vào	M2	135,3 0	708.750	95.893.875
12	Sân bê tông	M2	312	29.750	9.282.000
13	Bục cột cờ		73,20	280.000	20.496.000
14	Nhà xưởng phía sau nhà xưởng phía sau nhà xưởng số 02	M2	184,8 0	884.450	163.446.360
15	Khung mái tôn giáp nhà xưởng phía sau nhà xưởng số 02	M2	34,20	211.400	7.229.880
16	Nhà tập thể (gồm nhà ăn, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh)	M2	311,2 0	1.105.650	344.078.280
17	Mái tôn che liền nhà tập thể	M2	15,39	211.400	3.253.446
18	Mái tôn che giữa nhà tập thể và nhà lò hơi	M2	14,20	211.400	3.001.880
19	Nhà lo hơi bên trong có để máy phát điện	M2	135,4 0	1.105.650	149.705.010
20	Trạm điện 1000KV có 02 máy biến áp	Máy	02	285.475.890	570.951.780
21	Hệ thống bể nước gồm 06 bể bên cạnh nhà xưởng số 02				
-	BỂ 01	M3	96,22	259.700	24.988.334
-	BỂ 02	M3	147,5 6	259.700	38.321.332
-	BỂ 03	M3	99,28	259.700	25.783.016
-	BỂ 04	M3	197,5 4	259.700	51.301.138
-	BỂ 05	M3	252,6 2	259.700	65.605.414
-	BỂ 06	M3	101,3 2	259.700	26.312.804
22	BỂ 07 (BỂ nước bên cạnh nhà xưởng số 01)	M3	184,9 6	259.700	48.034.112
23	Phần mái tôn úp trên một phần bể 07	M2	12,60	211.400	2.663.640
24	Phòng bảo vệ 02	M2	20,50	708.750	14.529.375
25	Cổng ra vào số 02 bằng sắt kéo	M2	19,80	263.550	5.218.290
26	Cổng ra vào số 01 bằng sắt kéo	M2	23,25	263.550	6.127.538
27	Lán để xe bằng tôn nằm giữa nhà xưởng 01 và nhà xưởng 02	M2	81,80	211.400	17.292.520

28	Nhà chứa rác nằm giữa nhà xưởng 01 và nhà xưởng 02 có mái tôn, tường lửng xây bao	M2	54,72	107.450	5.879.664
29	Trạm làm mát có mái tôn che cạnh nhà chứa rác nằm giữa nhà xưởng 01 và nhà xưởng 02	M2	13,20	211.400	2.790.480
30	Hệ thống bể nước có mái tôn che nằm giữa nhà xưởng 01 và nhà xưởng 02 gồm có 08 khoang	M2	67,50	471.100	31.799.250
31	Tường rào bao quanh công ty	M2		0	0
-	Mặt phía bên tay phải từ cổng vào số 01 nhìn vào bằng sắt	M2	264,0 0	107.450	28.366.800
-	Mặt đối diện cổng ra vào xây tường gạch (phía cuối của công ty)	M2	476,0 0	107.450	51.146.200
-	Mặt phía bên tay trái từ cổng ra vào số 01 nhìn vào xây tường gạch	M2	240,0 0	107.450	25.788.000
-	Mặt trước giáp đường trong khu công nghiệp bằng sắt	M2	469,7 0	107.450	50.469.265
32	Đường bê tông	M2	6679, 60	29.750	198.718.100
33	Rãnh thoát nước			0	0
-	Rãnh thoát nước nắp sắt phía sau nhà xưởng số 02	md	220	151.815	33.399.405
-	Rãnh thoát nước nắp bê tông phía trước nhà xưởng số 02 và phía đầu hồi	md	220	216.879	47.713.435
-	Rãnh thoát nước nắp bê tông xung quanh nhà xưởng 01	md	374	216.879	81.112.840
34	Cây cối lâm lộc				
-	Khóm trúc		01	200.000	200.000
-	Cây keo	Cây	19	84.000	1.596.000
-	Cây hoa sữa	Cây	07	90.000	630.000
-	Cây dừa nước	Cây	05	73.000	365.000
-	Cây dừa cảnh	Cây	01	110.000	110.000
-	Cây phượng	Cây	06	110.000	660.000
-	Cây hoa hòe	Cây	01	90.000	90.000
-	Cây đa	Cây	01	120.000	120.000
-	Cây lộc vừng	Cây	06	300.000	1.800.000
-	Cây ôi	Cây	02	55.000	110.000
-	Cây sấu	Cây	01	110.000	110.000
-	Cây xoài	Cây	01	451.000	451.000
-	Cây liễu	Cây	02	100.000	200.000
-	Cây xoan	Cây	01	97.000	97.000
-	Cây cọ	Cây	19,00	60.000	1.140.000
-	Cây phi lao	Cây	40,00	20.000	800.000
35	Máy móc thiết bị				



35.1	Máy ép dầu cắm dây điện * Hiện trạng: Các bộ phận đã tháo rời, được đánh số thứ tự từ 01.1 đến 01.11. Hạn gỉ, bám bụi bẩn, lâu ngày không hoạt động, trùng tu, bảo dưỡng.	Máy	01	1.021.185.00 0	1.021.185.000
35.2	Máy kéo đại (số 03) gồm 13 chi tiết, được đánh số thứ tự từ 03.1 đến 03.13 + 01 cột điều khiển không có màn hình được đánh số 03.14. * Hiện trạng: Hạn gỉ, bám nhiều bụi bẩn, lâu ngày không hoạt động, trùng tu, bảo dưỡng.	Máy	01	506.976.000	506.976.000
35.3	Dây truyền đúc cán sản xuất được đánh số thứ tự từ 04.1 đến 04.3 bao gồm cả tháp trao đổi ion và tháp giải nhiệt. Tháp nước bên trên có 02 téc nước gắn liền tường nhà xưởng số 01 * Hiện trạng: Hạn gỉ, bám nhiều bụi bẩn, lâu ngày không hoạt động, trùng tu, bảo dưỡng.	Dây truyền	01	2.059.906.86 0	2.059.906.860
35.4	Máy ủ dây đồng gồm 07 chi tiết được đánh số thứ tự từ 05.1 đến 05.7 * Hiện trạng: Hạn gỉ, bám nhiều bụi bẩn, lâu ngày không hoạt động, trùng tu, bảo dưỡng.	Máy	01	104.877.491	104.877.491
35.5	Máy kéo trung gồm 06 chi tiết được đánh số thứ tự từ 06.1 đến 06.6	Máy	01	165.210.804	165.210.804
35.6	Máy kéo tinh gồm 05 chi tiết được đánh số thứ tự từ 07.1 đến 07.5	Máy	01	107.712.000	107.712.000
35.7	Dây truyền đúc rút dây đồng liên tục trong môi trường không oxy gồm 24 chi tiết được đánh số thứ tự từ 09.1 đến 09.24	Dây truyền	01	1.032.320.37 4	1.032.320.374
35.8	Máy kéo nén gồm 01 chi tiết được đánh số 08	Máy	01	80.799.300	80.799.300
35.9	Máy phát điện gồm 01 chi tiết (số 02)	Chiếc	01	199.621.800	199.621.800
36	Ô tô Hino Biển kiểm soát 98K-8243	Chiếc	01	300.000.000	300.000.000
37	Nhà khung bằng nhôm kính bên trong nhà xưởng 02 gồm 02 phòng	M2	60,69	364.500	22.121.505
38	Trạm điện 1000KV	Máy	01	285.475.890	285.475.890

II	Tài sản tại Biên bản kê biên ngày 27/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang				7.042.468.550
1	Nhà xây 02 tầng	M2	376,2	7.276.000	2.737.231.200
2	Nhà ăn cấp IV mái hiên lợp ngói, mái chính lợp tôn, trong nhà ốp trần thạch cao.	M2	458,2	1.923.550	881.370.610
3	Nhà vệ sinh cấp IV giáp nhà ăn cấp IV mái lợp ngói	M2	45,3	2.143.700	97.109.610
4	Nhà 03 tầng, tầng 03 lợp ngói, diện tích tầng 01 và tầng 02 đồ trần là $(111 \times 2) + (26,9 \times 2) = 276m^2$. Diện tích lợp mái $111,1m^2 + 26,9m^2 = 138m^2$ lợp tôn	M2	414,0	7.276.000	3.012.264.000
5	Cầu thang từ sân gạch	M2	12,8	2.125.000	27.200.000
6	Nhà vệ sinh gồm cầu thang	M2	5,6	3.722.150	20.844.040
7	Sân gạch lát gạch nem tách	M2	310,1	237.150	73.540.215
8	Giếng có trang trí tiểu cảnh	m3	24,3	934.915	22.741.807
9	Rãnh thoát nước	M2	3,9	1.955.000	7.624.500
10	Cây cối lâm lộc				
-	Cây buối đường kính gốc 30cm	Cây	01	440.000	440.000
-	Cây xoài đường kính gốc 30cm	Cây	01	819.500	819.500
-	Cây khế đường kính gốc 35cm	Cây	01	123.200	123.200
-	Cây đào đường kính gốc 17cm	Cây	01	110.000	110.000
-	Cây muồng vàng đường kính gốc 25cm	Cây	01	110.000	110.000
-	Khóm tre ngà mỗi khóm cao từ 3 đến 10cm	Khóm	05	120.000	600.000
11	Trạm biến áp (trạm điện) 180KV _a 6 (22)/10,4KV	Trạm	01	132.175.000	132.175.000
12	Bê ốp bằng gạch men 03 tầng	M3	11,3	2.483.536	28.164.867
TỔNG CỘNG					48.441.415.031
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)					48.441.415.000
<i>(Bảng chữ: Bốn mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng).</i>					

- **Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:** Có cơ sở vật chất trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với các loại tài sản trên; phương án đấu giá khả thi, hiệu quả; năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp; có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố; các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định. Được quyền nộp đơn và hồ sơ tham gia bán đấu giá tài sản trên, hồ sơ tham gia được nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

- **Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:** Từ ngày 09/02/2018 đến hết ngày 13/02/2018 (nộp trong giờ hành chính).

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (đứng ngã tư đèn đỏ đèn xanh của đường Hùng Vương cắt đường Lê Lợi)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục (đề b/c);
- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, Hồ sơ THA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Lan